

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Nghị quyết số 04-NQ/TU,
ngày 13 tháng 01 năm 2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XII)
về phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp giai đoạn 2007 - 2015
và định hướng đến năm 2020

Qua hơn 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 13 tháng 01 năm 2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp giai đoạn 2007 - 2015 và định hướng đến năm 2020* (viết tắt là Nghị quyết 04-NQ/TU) một số chỉ tiêu Nghị quyết đề ra không đạt: Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 03 khu công nghiệp đã có quyết định thành lập với tổng diện tích 420,27 ha, tỷ lệ lấp đầy trung bình chỉ đạt 48,19%; 09 cụm công nghiệp đã có quyết định thành lập với tổng diện tích là 318,07 ha, tỷ lệ lấp đầy bình quân 26,51%. Tổng diện tích các khu, cụm công nghiệp đã thành lập hiện nay là 738,34 ha với tỷ lệ lấp đầy bình quân là 38,84%. Trong khi đó, theo mục tiêu tại Nghị quyết số 04-NQ/TU vào năm 2020 tổng diện tích các khu, cụm công nghiệp là 2.200 ha - 2.300 ha (theo Danh mục các khu, cụm công nghiệp đến năm 2020 kèm theo gồm 05 khu công nghiệp và 24 cụm công nghiệp) và tỷ lệ lấp đầy tại các khu, cụm công nghiệp là 75% - 80%. Đồng thời, danh mục các khu công nghiệp tại Nghị quyết 04-NQ/TU không còn phù hợp với Quy hoạch các khu công nghiệp tỉnh Gia Lai đến năm 2020 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ (tại Công văn số 1808/TTg-KTN, ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các khu công nghiệp của tỉnh Gia Lai đến năm 2020).

Trước những khó khăn, thách thức và điều kiện thực tế địa phương, xét đề nghị của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều chỉnh một số nội dung của Nghị quyết 04-NQ/TU cho phù hợp tình hình thực tế, cụ thể như sau:

1. Mục II- PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2007 - 2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

Sửa đổi Điểm 2. Mục tiêu như sau

Mục tiêu phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020

- Đưa tỷ lệ đóng góp của các khu công nghiệp vào tổng giá trị sản xuất công nghiệp khoảng 15% - 20%. Tăng tỷ lệ xuất khẩu hàng công nghiệp của các khu công nghiệp.

- Tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp từ 50% - 60% diện tích đối với các khu, cụm công nghiệp đã hình thành và đầu tư hạ tầng kỹ thuật.

- Việc quy hoạch và thực hiện quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp

+ Đối với các khu công nghiệp: Phân đầu kêu gọi đầu tư và lấp đầy Khu công nghiệp Trà Đa mở rộng với quy mô 100,87 ha, đơn đốc nhà đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng Khu công nghiệp Nam Pleiku với quy mô 199,55 ha và tiếp tục kêu gọi đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

+ Đối với các cụm công nghiệp: Quy hoạch, thành lập và kêu gọi đầu tư 16 cụm công nghiệp trên địa bàn 16 huyện, thị xã, thành phố (trừ huyện Đức Cơ); hoàn thành cơ bản việc giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng cho các cụm công nghiệp đã quy hoạch chi tiết và thành lập.

(có danh mục các khu, cụm công nghiệp đến năm 2020 kèm theo)

2. Mục III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

- **Sửa đổi Điều 2, như sau:** Đầu tư tương đối đồng bộ các công trình kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Nam Pleiku, đặc biệt là công trình xử lý nước thải và đảm bảo diện tích trồng cây xanh trong khu công nghiệp theo dự án đã được phê duyệt nhằm bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- **Sửa đổi Điều 3, như sau:** Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư để thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, nhất là đầu tư nước ngoài. Từng bước triển khai giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp ở các huyện Ia Grai, Chư Prông, Chư Sê, Chư Puh, Phú Thiện, Ia Pa, Đak Pơ, Kông Chro, thị xã An Khê và thị xã Ayun Pa. Tiếp tục quy hoạch và thành lập các cụm công nghiệp các huyện Đak Đoa, Krông Pa và Kbang.

3. Tổ chức thực hiện

- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, đảng đoàn Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, các cơ quan có liên quan tại Mục IV, Nghị quyết 04-NQ/TU quán triệt, thực hiện các nội dung tại Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 04-NQ/TU này; các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 13 tháng 01 năm 2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp giai đoạn 2007 - 2015 và định hướng đến năm 2020.*

- Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở Nghị quyết này cùng với việc nghiên cứu các quy định của Trung ương, triển khai các giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đồng bộ với Nghị quyết 04-NQ/TU đã đề ra.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Vụ Địa phương III tại Đà Nẵng,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng bộ trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

đã ký

Châu Ngọc Tuấn

DANH MỤC

**điều chỉnh Danh mục các các khu, cụm công nghiệp đến năm 2020
tại Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 13/01/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
về phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp giai đoạn 2007 - 2015
và định hướng đến năm 2020**

*(kèm theo Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Ban Thường vụ
Tỉnh ủy)*

| STT | Danh mục | Địa điểm | Diện tích dự kiến (ha) |
|------------------|---|------------------|------------------------------|
| A | Khu công nghiệp | | 619,82 ha |
| 1 | Khu công nghiệp Trà Đa | Thành phố Pleiku | 109,3 |
| 2 | Khu công nghiệp Trà Đa mở rộng | Thành phố Pleiku | 100,87 |
| 3 | Khu công nghiệp Nam Pleiku | Huyện Chư Sê | 199,55 |
| 4 | Khu công nghiệp thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh | Huyện Đrúc Cơ | 210,1 |
| B | Cụm công nghiệp | | 571,8118 |
| 1 | Cụm công nghiệp Diên Phú | Thành phố Pleiku | 62 |
| 2 | Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp huyện Chư Păh | Huyện Chư Păh | 53,91 |
| 3 | Cụm công nghiệp Đak Djăng | Huyện Mang Yang | 15 |
| 4 | Cụm công nghiệp Chư Sê | Huyện Chư Sê | 51,5 |
| 5 | Cụm công nghiệp An Khê | Thị xã An Khê | 50,65 |
| 6 | Cụm công nghiệp Phú Thiện | Huyện Phú Thiện | 47,01 |
| 7 | Cụm công nghiệp Phú An | Huyện Đak Pơ | 15 |
| 8 | Cụm công nghiệp Ia Pa | Huyện Ia Pa | 30 |
| 9 | Cụm công nghiệp Ia Grai | Huyện Ia Grai | 15 |
| 10 | Cụm công nghiệp Kông Chro | Huyện Kông Chro | 15 |
| 11 | Cụm công nghiệp Chư Prông | Huyện Chư Prông | 15 |
| 12 | Cụm công nghiệp Ia Sao | Thị xã Ayun Pa | 15 |
| 13 | Cụm công nghiệp Chư Puh | Huyện Chư Puh | 48 |
| 14 | Cụm công nghiệp Krông Pa | Huyện Krông Pa | 50 |
| 15 | Cụm công nghiệp xã Đông | Huyện Kbang | 58,4 |
| 16 | Cụm công nghiệp Đak Đoa | Huyện Đak Đoa | 30,34 |
| TỔNG CỘNG | | | 1.191,63 |